TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72**/2023/DS-ST
Ngày: 07-9-2023
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Trần Thị Phương Anh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXX-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng K, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Thanh K1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thanh K1 là bà Phan Thị N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Theo giấy ủy quyền đề ngày 24/02/2023 (Có mặt).

2. Anh Trần Hoàng T, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

3. Bà Phan Thị Tuyết P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 17/02/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 24/4/2023, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày: Vào năm 2013, ông Phan Văn T1 là cha ruột của bà N có cho bà N diện tích đất chiều ngang 5,3m và chiều dài 7m. Sau khi được cho đất, bà N cất căn nhà gắn với đất có cấu trúc lợp thiếc, vách thiếc, nền lót gạch tàu. Việc ông T1 cho bà N diện tích đất trên không có lập giấy tờ gì hết nhưng anh chị em trong gia đình đều biết. Căn nhà gắn liền với phần đất của ông T1 cho bà N sử dụng thuộc thửa đất số 305, tờ bản đồ số 20, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 733497 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ ông T1 vào ngày 10/12/2012. Đến ngày 12/6/2017, bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần đất của ông Thinh t cho bà N bằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Từ khi được ông T1 cho đất, bà N đã trực tiếp sử dụng căn nhà gắn liền với đất được khoảng 01 năm. Đến ngày 27/5/2013, bà N có cho vợ chồng chị ruột là bà Phan Thị Tuyết P và anh rể là ông Trần Hoàng K mượn nhà và đất để ở đến khi nào bà N cần sử dụng căn nhà gắn liền với đất thì bà P và ông K phải trả lại căn nhà và đất cho bà N.

Khi bà N cho ông K và bà P mượn căn nhà gắn liền với đất thì ông K đã tự mình lập bản hợp đồng cho mượn nhà đề ngày 27/5/2013, ông K có ký tên vào mục người mượn nhà. Nội dung của bản hợp đồng cho mượn nhà thể hiện bà N là chủ hộ căn nhà ven sông C có cho bên ông K mượn căn nhà nói trên để ở trong một thời gian. Nếu đến khi bà N cần đến thì ông K phải chấp thuận trả lại theo đúng hợp đồng nói trên. Sau khi ông K ký xong, bà N đã đem bản hợp đồng cho mượn nhà đề ngày 27/5/2013 cho T2 ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu là Tăng Văn K2 xác nhận; ông Tăng Văn K2 không có trực tiếp chứng kiến việc ông K ký tên vào bản hợp đồng cho mượn nhà nêu trên.

Đến khoảng năm 2019, ông K và bà P mới sửa lại căn nhà do căn nhà đã xuống cấp. Khi ông K và bà P sửa chữa lại căn nhà thì ông K và bà P không có thông báo cho bà N biết. Tuy nhiên, bà N cũng thấy và biết việc ông K và bà P sửa chữa lại căn nhà, do nghĩ tình chị em với nhau nên bà N cũng đồng ý cho ông K và bà P sửa chữa lại căn nhà.

Hiện nay, căn nhà gắn liền với đất mà ông K, bà P và anh T đang sinh sống là của ông K, bà P đã sửa chữa lại năm 2017, chỉ có sử dụng một số vách thiếc cũ và sử dụng lại 02 cánh cửa kéo bằng thiếc của bà N.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K, bà P và anh T phải tháo dỡ căn nhà gắn liền với đất để trả lại đất cho bà N và ông Ngô Thanh K1 diện tích đất theo đo đạc thực tế 37,5m^2 (chiều ngang 5,3m, chiều dài 7,0m), thuộc thửa đất số 305, tờ bản đồ số 20, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

gắn liền với đất số BM 733497 (Số vào sổ GCN: CH01610) do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu điều chỉnh biến động cho bà N đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 12/6/2017; đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn ông Trần Hoàng K: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông K tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông K không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của ông K tại chỗ ở hiện nay của ông K nhưng ông K không có mặt tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà N cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Tuyết P trình bày: Nguồn gốc căn nhà gắn liền với đất là của ông T1 cho bà N ở. Bà N ở được một thời gian thì bà N cất căn nhà khác, không ở nữa nên ông T1 mới kêu bà P và ông K về ở trên căn nhà trên. Căn nhà trên đất là của bà N; còn phần đất là của ông T1. Do vậy, cách đây khoảng 10 năm, không nhớ thời gian nào, bà P và ông K có mượn căn nhà của bà N để ở. Ông K có ký tên vào bản hợp đồng cho mượn nhà đề ngày 27/5/2013 để mượn căn nhà của bà N. Căn nhà mượn của bà N có diện tích bao nhiêu thì bà P không nhớ, căn nhà có cấu trúc mái lợp thiếc, vách thiếc, nền lót gạch tàu. Bà P và ông K thừa nhận có mượn căn nhà của bà N. Đến khoảng tháng 02/2017, bà P và ông K sửa chữa lại căn nhà do căn nhà của bà N cho mượn đã xuống cấp; không còn sử dụng được. Tại thời điểm sửa chữa lại căn nhà, bà P và ông K có thông báo cho bà N biết. Bà P và ông K đã tháo dỡ toàn bộ căn nhà cũ và đem trả sát nhà cũ cho bà N. Chi phí bà P và ông K đã bỏ ra để sửa chữa lại căn nhà hết số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà P và ông K không có hóa đơn chứng từ gì chứng minh chi phí sửa chữa lại căn nhà hết số tiền 100.000.000 đồng. Hiện nay, căn nhà có cấu trúc lợp thiếc, vách thiếc, khung sườn sắt, nền lót gạch bông. Nay bà P và ông K đồng ý giao trả lại đất cho bà N diện tích theo đo đạc thực tế 37,5m^2 nhưng bà P yêu cầu bà N phải hỗ trợ chi phí di dời cho bà P và ông K và trả cho bà P và ông K trị giá căn nhà bằng số tiền 100.000.000 đồng.

Theo người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thành K3 là bà Phan Thị N, trình bày: Ông K3 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà N đối với ông K. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoàng T, trình bày: Không ghi nhận được ý kiến do không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thanh K1 thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P và anh T chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông K về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất. Buộc ông K, bà P và anh T có nghĩa vụ giao trả cho bà N và ông K1 diện tích đất theo đo đạc thực tế 37,5m^2. Buộc bà N và ông K1 có nghĩa vụ trả lại cho ông K và bà P giá trị căn nhà bằng số tiền 50.840.887 đồng. Bà N và ông K1 được quyền sử dụng căn nhà gắn liền với đất.

Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Ông K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N khởi kiện yêu cầu ông K tháo dỡ căn nhà trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 37,5m^2 tọa lạc tại ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Đây là vụ án tranh chấp đòi quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 203 Luật Đất đai. Ông K có địa chỉ cư trú tại ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P và anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay ông K, bà P và anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng ông K, bà P và anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Diện tích đất bà N yêu cầu ông K trả lại qua xem xét, thẩm định tại chỗ có diện tích 37,5m^2; có vị trí số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp với sông Cái Dầy, có số đo 5m;

- Hướng Tây giáp với đất ông Phan Văn T1 (hiện trạng hiện nay lộ bê tông), có số đo là 5,30m;

- Hướng Nam giáp với đất ông Phan Văn T1 (hiện trạng hiện nay lộ bê tông) có số đo 7,40m;

- Hướng Bắc giáp với sông C, có số đo 7.30m.

Diện tích đất theo đo đạc thực tế 37,5m^2 thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 95 (thửa đất số 305, tờ bản đồ số 20 cũ); tọa lạc tại ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Hiện trạng phần đất tranh chấp theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2023 có một căn nhà diện tích 37,5m^2 có kết cấu móng khung sườn thép, mái thiếc, vách thiếc, nền gạch men do ông K và bà P xây cất vào năm 2017.

[3] Bà P, ông K1 với ông K, bà P đều thống nhất diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 37,5m^2 có nguồn gốc là của ông T1. Bà N cho rằng diện tích đất tranh chấp là của bà N đã được ông T1 cho vào năm 2013. Sau khi được cho đất, bà N cất căn nhà trên đất để ở được khoảng 01 năm. Vào ngày 27/5/2013, bà N đã cho ông K và bà P mượn căn nhà gắn liền với đất để ở trong một thời gian. Việc bà N cho ông K và bà P mượn căn nhà gắn liền với đất thì ông K có ký tên vào bản hợp đồng cho mượn nhà đề ngày 27/5/2013. Mặc dù, ông K và bà P thừa nhận có mượn căn nhà của bà N vào ngày 27/5/2013 nhưng ông K và bà P cho rằng diện tích đất tranh chấp là của ông T1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2023, ông T1 xác định hiện nay phần đất tranh chấp không còn thuộc quyền sử dụng đất của ông T1 mà thuộc quyền sử dụng, định đoạt của bà N theo quy định của pháp luật. Tại Công văn số 153/TTKTTTNMT-KT ngày 09/8/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thể hiện phần diện tích tranh chấp 37,5m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 733497 cấp ngày 10/12/2012 tại thửa đất 305, tờ bản đồ số 20 cấp cho hộ ông T1 ngày 12/6/2017 đã chỉnh lý sang cho bà N đứng tên do đã tặng cho bà N. Đồng thời, bà P xác định bà P và ông K đồng ý giao trả lại đất tranh chấp cho bà N nhưng bà P yêu cầu bà N hỗ trợ chi phí dời và trả giá trị căn nhà trên đất cho bà P và ông K là 100.000.000 đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định diện tích đất tranh chấp 37,5m^2 thuộc quyền sử dụng của bà N và sau đó bà N cho ông K và bà P mượn sử dụng. Do vậy, việc bà N yêu cầu ông K, bà P và anh T phải giao trả diện tích đất 37,5m^2 cho bà N và ông K1 là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Bà N thừa nhận căn nhà gắn liền với đất tranh chấp diện tích 37,5m^2, có kết cấu móng khung sườn thép, mái thiếc, vách thiếc, nền gạch men là của ông K và bà P xây cất vào năm 2017. Hiện nay, căn nhà có ông K, bà P cùng với anh T đang ở. Bà P yêu cầu bà N trả cho bà P và ông K trị giá căn nhà gắn liền với đất là 100.000.000 đồng nhưng bà P và ông K không có chứng cứ gì chứng minh trị giá căn nhà hiện nay là 100.000.000 đồng. Xét thấy, tại thời điểm ông K và bà P xây cất căn nhà thì bà N biết mà không ngăn cản nếu buộc ông K và bà P tháo dỡ căn nhà trả lại đất cho bà N và ông K1 sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ căn nhà của ông K, bà P; bà N và ông K1 cũng đồng ý trả giá trị căn nhà gắn liền với đất cho ông K và bà P theo giá của Hội đồng định giá xác định nên Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của bà N và ông K1; buộc bà N và ông K1 trả giá trị căn nhà gắn liền với đất theo giá được thể hiện tại biên bản định giá tài sản ngày 28/6/2023 là 50.840.887 đồng cho ông K và bà P. Bà N và ông K1 được quyền sử dụng căn nhà diện tích 37,5m^2 có kết cấu móng khung sườn thép, mái thiếc, vách thiếc, nền gạch men gắn liền với diện tích đất tranh chấp 37,5m^2. Ông K, bà P và anh T được lưu cư thời hạn 06 tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn lưu cư, ông K cùng bà P và anh T phải giao căn nhà cho bà N và ông K1.

[5] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 5.611.865 đồng, ông K phải chịu do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận. Bà N đã dự nộp tạm ứng số tiền 5.611.865 đồng đã chi phí hết vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên buộc ông K phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N số tiền 5.611.865 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông K được chấp nhận nên ông K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bằng 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Bà N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001439 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên được hoàn lại.

[7] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với ông Trần Hoàng K về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

2. Buộc ông Trần Hoàng K, bà Phan Thị Tuyết P và anh Trần Hoàng T có nghĩa vụ giao trả cho bà Phan Thị N và ông Ngô Thanh K1 diện tích đất theo đo đạc thực tế 37,5m^2, thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 95 (thửa đất số 305, tờ bản đồ số 20 cũ), tọa lạc tại ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp với sông Cái Dầy, có số đo 5m;

- Hướng Tây giáp với đất ông Phan Văn T1 (hiện trạng hiện nay lộ bê tông), có số đo là 5,30m;

- Hướng Nam giáp với đất ông Phan Văn T1 (hiện trạng hiện nay lộ bê tông) có số đo 7,40m;

- Hướng Bắc giáp với sông C, có số đo 7.30m.

3. Buộc bà Phan Thị N và ông Ngô Thanh K1 có nghĩa vụ trả giá trị căn nhà diện tích 37,5m^2 có kết cấu móng khung sườn thép, mái thiếc, vách thiếc, nền gạch men gắn liền với đất cho ông Trần Hoàng K và bà Phan Thị Tuyết P bằng số tiền 50.840.887 đồng.

4. Bà Phan Thị N và ông Ngô Thành K3 được quyền sử dụng căn nhà có diện tích 37,5m^2, có kết cấu móng khung sườn thép, mái thiếc, vách thiếc, nền gạch men gắn liền với diện tích đất theo đo đạc thực tế 37,5m^2.

(Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất ngày 03/7/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B là một bộ phận không thể tách rời với Bản án).

5. Ông Trần Hoàng K, bà Nguyễn Thị Tuyết P1 và anh Trần Hoàng T được lưu cư thời hạn 06 tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn lưu cư, ông Trần Hoàng K, bà Nguyễn Thị Tuyết P1 và anh Trần Hoàng T phải có nghĩa vụ giao căn nhà diện tích 37,5m^2 có kết cấu móng khung sườn thép, mái thiếc, vách thiếc, nền gạch men cho bà Phan Thị N và ông Ngô Thanh K1.

6. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Trần Hoàng K phải chịu số tiền 5.611.865 đồng (Năm triệu sáu trăm mười một nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng). Bà Phan Thị N đã dự nộp tạm ứng số tiền 5.611.865 đồng đã chi phí hết nên buộc ông Trần Hoàng K phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phan Thị N số tiền 5.611.865 đồng (Năm triệu sáu trăm mười một nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng).

8. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, ông Trần Hoàng K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Bà Phan Thị N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, bà Phan Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001439 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được hoàn lại.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cụ THADS huyện Vĩnh Lợi;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Hồng Chi